

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC Y THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH

Số: 484./TTr-BVĐHYTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 15. tháng 8. năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v xin phê duyệt và bổ sung đăng tải bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành đối với Bệnh viện Đại học Y Thái Bình

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính Phủ về việc
quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc
ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ vào tình hình khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.

Ngày 14/7/2024, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình đã được Bộ Y tế phê duyệt và
đăng tải bản Công bố cơ sở thực hành trên trang Cổng thông tin của Cục quản lý khám
chữa bệnh, Bộ Y tế. Theo quy định hiện hành việc tiếp nhận công bố cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành quy định Bệnh viện Đại
học Y Thái Bình thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên.

Để tổ chức hướng dẫn thực hành đối với chuyên khoa Kỹ thuật viên xét nghiệm;
Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh và Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng theo quy định
hiện hành, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình kính trình Sở Y tế tỉnh Hưng Yên xin được
bổ sung thêm bản công bố cơ sở thực hành tại Bệnh viện (có bản công bố và phụ lục kèm
theo) kính đề nghị Sở Y tế tỉnh Hưng Yên xem xét, phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT; TCHC.



PGS.TS Nguyễn Xuân Bái

Số ~~482~~/BCB-BVĐHYTB

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 239/BYT-GPHĐ, Cơ quan cấp:
Bộ Y tế, ngày 02/12/2014.

Địa chỉ: Số 373, phố Lý Bôn, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: PGS. TS. BS Vũ Sơn

Địa thoại liên hệ: 02273 833 886

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh và Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế. Bệnh viện Đại học Y Thái Bình là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

1.1. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học và chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học chuyên khoa.

1.2. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm chuyên khoa.

1.3. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng và phục hồi chức năng chuyên khoa.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:

2.1. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học và chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học chuyên khoa



STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Trình độ chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1.	Nguyễn Ngọc Trung	0009941/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Tiến sĩ bác sĩ	Phó trưởng Phụ trách Khoa Chẩn đoán hình ảnh
2.	Phí Trọng Hiếu	0009961/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Thạc sĩ bác sĩ	Bác sĩ Khoa Chẩn đoán hình ảnh
3.	Nguyễn Văn Hưng	0009962/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Thạc sĩ bác sĩ	Bác sĩ Khoa Chẩn đoán hình ảnh
4.	Nguyễn Văn Lực	045995/BYT- CCHN	20/10/ 2021	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên Cao đẳng	Kỹ thuật viên khoa Chẩn đoán hình ảnh
5.	Đỗ Thành Luân	045994/BYT- CCHN	20/10/ 2021	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên Cao đẳng	Kỹ thuật viên khoa Chẩn đoán hình ảnh
6.	Bùi Văn Long	0010606/BYT -CCHN	16/12/ 2013	Chuyên khoa X - Quang	Kỹ thuật viên Cao đẳng	Kỹ thuật viên khoa Chẩn đoán hình ảnh

2.2. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm chuyên khoa

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Trình độ chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1	Trần Thị Vân Anh	0009974/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa Huyết học
2	Trần Thị Hải Lý	0009975/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm	Thạc sĩ	Bác sĩ khoa Huyết học
3	Đặng Thị Thu Hằng	0010092/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm	Tiến sĩ	Bác sĩ khoa Huyết học
4	Lã Kim Chi	0009976/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm	Thạc sĩ	Bác sĩ khoa Huyết học

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Trình độ chuyên môn	Vị trí chuyên môn
5	Trịnh Thị Ngoan	0010087/BYT-CCHN	02/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm	KTV	Kỹ thuật viên khoa Vi ký sinh
6	Nguyễn Thị Minh Thái	0010046/BYT-CCHN	02/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	Thạc sỹ	Phó trưởng Phụ trách khoa Hóa sinh
7	Bùi Thị Minh Phượng	0010634/BYT-CCHN	16/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	Tiến sỹ	Phó trưởng khoa Hóa sinh
8	Trần Thị Thi	0010045/BYT-CCHN	02/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Hóa sinh
9	Hà Thị Thu Hiền	035879/BYT-CCHN	08/11/2017	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Hóa sinh
10	Nghiêm Thị Dịu	0010654/BYT-CCHN	16/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên khoa Hóa sinh
11	Nguyễn Thị Phượng	0010088/BYT-CCHN	02/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên khoa Hóa sinh
12	Lê Thị Lan Phương	0010619/BYT-CCHN	16/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Huyết học truyền máu	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Huyết học
13	Khổng Thị Điệp	0009978/BYT-CCHN	02/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Huyết học truyền máu QĐ bổ sung phạm vi HĐCM: Chuyên khoa XN vi sinh	Tiến sỹ	Bác sỹ khoa Huyết học
14	Trần Thị Hằng	0009977/BYT-CCHN	02/12/2013	Chuyên khoa xét nghiệm Huyết học truyền máu	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Huyết học

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Trình độ chuyên môn	Vị trí chuyên môn
15	Nguyễn Thị Hồi	030386/BYT -CCHN	10/10/ 2016	Chuyên khoa xét nghiệm Huyết học	Cử nhân	Kỹ thuật viên khoa Huyết học
16	Lương Khắc Hiến	0009973/BY T – CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	BSCCKII	Trưởng khoa TB-GPB
17	Nguyễn Thị Thanh Hà	0009972/BY T – CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa TB-GPB
18	Trần Mạnh Hà	0009971/BY T – CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Tiến sỹ	Bác sỹ khoa TB-GPB
19	Dương Thị Lan Thu	028688/BYT - CCHN	30/3/ 2016	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa TB-GPB
20	Đinh Thị Huyền Trang	028687/BYT - CCHN	30/3/ 2016	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa TB-GPB
21	Nguyễn Thị Nga	028695/BYT -CCHN	30/3/ 2016	Chuyên khoa xét nghiệm ký sinh trùng	Thạc sỹ	Phó trưởng Phụ trách khoa Vi ký sinh
22	Vũ Thị Bình Phương	0010637/BY T-CCHN	16/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm ký sinh trùng	Tiến sỹ	Phó trưởng khoa Vi ký sinh
23	Hoàng Thị Út Trà	036337/BYT -CCHN	25/12/ 2017	Chuyên khoa xét nghiệm ký sinh trùng	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Vi ký sinh
24	Bùi Thị Hồng Thanh	0010061/BY T-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm Vi sinh	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa Vi ký sinh
25	Đinh Thị Huyền Trang	0010638/BY T-CCHN	16/12/ 2013	Chuyên khoa xét nghiệm Vi sinh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Vi ký sinh
26	Hoàng Quỳnh Hương	035880/BYT -CCHN	08/11/ 2017	Chuyên khoa xét nghiệm Vi sinh	Thạc sỹ	Bác sỹ khoa Vi ký sinh
27	Lê Thị Hồng Thúy	0010618/BY T-CCHN	16/12/ 2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học truyền máu	BSCCKII	Trưởng khoa Huyết học

2.3. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng và phục hồi chức năng chuyên khoa.

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Trình độ chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1.	Phạm Thị Duyên	0010632/ BYT-CCHN	16/12/ 2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Thạc sỹ	Phụ trách khoa PHCN
2.	Trần Tuấn Minh	022445/ BYT-CCHN	18/5/2018	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; QĐ bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh chữa bệnh bằng YHCT kết hợp chuyên khoa phục hồi chức năng	Thạc sỹ	Bác sỹ Khoa PHCN
3.	Phạm Thị Tinh	0010030/BY T-CCHN	02/12/ 2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Tiến sỹ	Bác sỹ khoa PHCN
4.	Nguyễn Thọ Quyền	0010089/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Chuyên khoa Vật lý trị liệu, phục hồi chức năng	Cao đẳng	KTV Khoa PHCN
5.	Nguyễn Văn Dũng	032646/ BYT-CCHN	04/4/2017	Chuyên khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân	KTV Khoa PHCN

2.4. Danh sách người hướng dẫn thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Trình độ chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1.	Bùi Duy Dung	0010057/ BYT-CCHN	02/12/ 2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Thạc sĩ bác sĩ	Bác sĩ Đơn vị Cấp cứu thuộc khoa Khám bệnh

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với các cơ sở thực hành khác: không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận đảm bảo một người hướng dẫn thực hành chỉ hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm được quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

4.1. Số lượng người thực hành cùng một thời điểm có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học và chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học chuyên khoa: 20 học viên.

4.2. Số lượng người thực hành cùng một thời điểm tại một khoa có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm chuyên khoa: 20 học viên học viên.

4.3. Số lượng người thực hành cùng một thời điểm có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng và phục hồi chức năng chuyên khoa: 20 học viên.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 9.000.000VNĐ/01 học viên

Bệnh viện cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã Công bố.



Tài liệu gửi kèm theo bản Công bố:

- Nội dung thực hành đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học và chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học chuyên khoa;

- Nội dung thực hành đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm chuyên khoa;

- Nội dung thực hành đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng và phục hồi chức năng chuyên khoa.

Bệnh viện Đại học Y Thái Bình kính gửi Sở Y tế tỉnh Hưng Yên xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trường ĐHYD Thái Bình (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTH, TCHC.



PGS. TS Nguyễn Xuân Bái

Hung Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2025

NỘI DUNG

Thực hành đối với chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học
và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học chuyên khoa

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sau quá trình thực hành, học viên sẽ có đầy đủ năng lực chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng thực hành phù hợp với phạm vi hành nghề hình ảnh y học hoặc hình ảnh y học chuyên khoa theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

Xây dựng nội dung thực hành thống nhất, chuẩn hóa thời lượng, nội dung, yêu cầu thực hành tại các cơ sở đủ điều kiện, tích lũy kinh nghiệm và thành thạo các kỹ năng lâm sàng, cận lâm sàng trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.

b) Kỹ năng

Kỹ năng thực hành theo nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Sau quá trình thực hành theo nội dung đã thống nhất, học viên hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

c) Thái độ

Nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện kỹ thuật y hành nghề chẩn đoán hình ảnh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và hội nhập quốc tế.

II. PHẠM VI, HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.

2. Hình thức đào tạo: Tập trung.

3. Thời gian:

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

4. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên

Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn như sau:

a) Người có một trong các văn bằng sau đây được tiếp nhận thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề hình ảnh y học:

Văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nay là Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học;

Văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nay là Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học;

Văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học.

b) Người có một trong các văn bằng sau đây được tiếp nhận thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề hình ảnh y học chuyên khoa:

Văn bằng chuyên khoa trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh được cấp bởi cơ sở đào tạo hợp pháp theo quy định của pháp luật;

Thời gian đào tạo tối thiểu 18 tháng.



III. NỘI DUNG THỰC HÀNH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
I	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề hình ảnh y học	
A	Chụp Xquang chẩn đoán thường quy hoặc kỹ thuật số (CR hoặc DR)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
1	Chụp Xquang chẩn đoán thường quy	
1.1	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	
1.2	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	
1.3	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	
1.4	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	
1.5	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	
1.6	Chụp Xquang Blondeau	
1.7	Chụp Xquang Hirtz	
1.8	Chụp Xquang hàm chéch một bên	
1.9	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	
1.10	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	
1.11	Chụp Xquang Chausse III	
1.12	Chụp Xquang Schuller	
1.13	Chụp Xquang Stenvers	
1.14	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	
1.15	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	
1.16	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	
1.17	Chụp Xquang răng toàn cảnh	
1.18	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	
1.19	Chụp Xquang mỏm trâm	
1.2.0	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	
1.2.1	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	
1.2.2	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	
1.2.3	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	
1.2.4	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	
1.2.5	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	
1.2.6	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	
1.2.7	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
1.2.8	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
1.2.9	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	
1.30	Chụp Xquang cột sống cùng cột thắt nghiêng	
1.31	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	
1.32	Chụp Xquang khung chậu thẳng	
1.33	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	
1.3	Chụp Xquang khớp vai thẳng	
1.35	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	
1.36	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	
1.37	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	
1.38	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	
1.39	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	
1.40	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	
1.41	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	
1.42	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	
1.43	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	
1.44	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	
1.45	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	
1.46	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	
1.47	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	
1.48	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	
1.49	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	
1.51	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	
1.52	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	
1.53	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	
1.54	Chụp Xquang ngực thẳng	
1.55	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	
1.56	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	
1.57	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo	
1.58	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	
1.59	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
1.60	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
1.61	Chụp Xquang hệ tiết niệu không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	
1.62	Chụp Xquang tuyến vú	
1.63	Chụp Xquang tại giường	
1.64	Chụp Xquang tại phòng mổ	
1.65	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	
2	Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị	
2.1	Chụp Xquang thực quản dạ dày	
2.2	Chụp Xquang ruột non	
2.3	Chụp Xquang đại tràng	
2.4	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	
2.5	Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi	
2.6	Chụp Xquang đường dò	
2.7	Chụp Xquang tuyến nước bọt	
2.8	Chụp Xquang tuyến lệ	
2.9	Chụp Xquang tử cung vòi trứng	
2.10	Chụp Xquang ống tuyến sữa	
2.11	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	
2.12	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng	
2.13	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng	
2.14	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng	
2.15	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	
2.16	Chụp Xquang động mạch tạng	
2.17	Chụp Xquang động mạch chi	
2.18	Chụp Xquang động mạch vành	
2.19	Chụp Xquang bao rốn thần kinh	
B	Chụp cắt lớp vi tính chẩn đoán (CT)	
1	Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy	
1.1	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	
1.2	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	
1.3	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
1.4	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
1.5	Chụp CLVT mạch máu não	
1.6	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	
1.7	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	
1.8	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	
1.9	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	
1.10	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	
1.11	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	
1.12	Chụp CLVT hốc mắt	
1.13	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	
1.14	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)	
1.15	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)	
1.16	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)	
2	Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy	
2.1	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	
2.2	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	
2.3	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	
2.4	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	
2.5	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	
2.6	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	
2.7	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	
2.8	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	
2.9	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	
3	Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
3.1	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	
3.2	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	
3.3	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	
3.4	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	
3.5	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
	gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
3.6	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	
3.7	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	
3.8	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	
3.9	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	
3.10	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	
3.11	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	
3.12	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	
4	Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dây	
4.1	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	
4.2	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	
4.3	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	
4.4	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	
4.5	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	
4.6	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	
4.7	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	
4.8	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	
4.9	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	
4.10	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	
4.11	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	
4.12	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	
4.13	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	
5	Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm	
5.1	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	
5.2	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn siêu âm	
5.3	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	
5.4	Sinh thiết gan ghép dưới hướng dẫn siêu âm	
5.5	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	
5.6	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	
5.7	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	
5.8	Sinh thiết thận ghép dưới hướng dẫn siêu âm	



TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
5.9	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
5.10	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	
5.11	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	
5.12	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm	
5.13	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm	
5.14	Đốt sóng cao tần điều trị ung thư gan (RFA) dưới hướng dẫn siêu âm	
5.15	Chích đốt Laser dưới hướng dẫn siêu âm	
5.16	Bơm Ethanol trực tiếp dưới hướng dẫn siêu âm	
5.17	Tiêm xơ khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	
5.18	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm	
5.19	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	
5.20	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	
5.21	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	
5.22	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	
5.23	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm	
5.24	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm	
5.25	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	
5.26	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm	
5.27	Chọc hút, sinh thiết khối u trung thất qua siêu âm thực quản	
5.28	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm	
5.29	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	
5.30	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	
5.31	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm	
5.32	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	
5.33	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	
6	Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	
6.1	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	
6.2	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	
6.3	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính	
6.4	Sinh thiết trung thất dưới cắt lớp vi tính	
6.5	Sinh thiết gan dưới cắt lớp vi tính	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
6.6	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
6.7	Sinh thiết lách dưới cắt lớp vi tính	
6.8	Sinh thiết tụy dưới cắt lớp vi tính	
6.9	Sinh thiết gan ghép dưới cắt lớp vi tính	
6.10	Sinh thiết thận ghép dưới cắt lớp vi tính	
6.11	Sinh thiết xương dưới cắt lớp vi tính	
6.12	Sinh thiết cột sống dưới cắt lớp vi tính	
6.13	Sinh thiết não dưới cắt lớp vi tính	
6.14	Sinh thiết phần mềm dưới cắt lớp vi tính	
6.15	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính	
6.16	Chọc hút ổ dịch/áp xe não dưới cắt lớp vi tính	
6.17	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	
6.18	Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	
6.19	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	
C	Kỹ thuật khác (TTLT 37)	
1	Chụp XQ số hóa cắt lớp tuyến vú 1 bên (tomosynthesis)	
II	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu	
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Đơn vị Cấp cứu
2	Cấp cứu ngừng tim	
3	Cấp cứu ngừng thở	
4	Băng bó vết thương	
5	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	
6	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	

Trong quá trình thực hành: đơn vị và người hướng dẫn hành nghề phải lồng ghép hướng dẫn nội dung về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Học viên không vi phạm các quy định của pháp luật.

Học viên phải tham dự 100% thời lượng học thực hành (vắng mặt học thực hành thì phải đi học bù).

Học viên phải được người hướng dẫn thực hành đánh giá đạt các chỉ tiêu thực hành. Sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với từng nội dung như: kiểm tra kiến thức, đánh giá kỹ năng thực hành, đánh giá thái độ, phỏng vấn... . Thực hiện đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết.

Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, Bệnh viện có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP./. *u*

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hưng Yên (để báo cáo);
- Ban Giám đốc, Phụ trách CM (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTH, TCHC. *gi*



PGS. TS. BS Nguyễn Xuân Bái

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2025

NỘI DUNG

Thực hành đối với chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học
và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm chuyên khoa

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Học viên sau quá trình thực hành sẽ có đầy đủ năng lực chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng thực hành phù hợp với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học hoặc xét nghiệm chuyên khoa theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

Xây dựng nội dung thực hành thống nhất, chuẩn hóa thời lượng, nội dung, yêu cầu thực hành tại các cơ sở đủ điều kiện, tích lũy kinh nghiệm và thành thạo các kỹ năng lâm sàng, cận lâm sàng trong lĩnh vực xét nghiệm y học.

b) Kỹ năng

Kỹ năng thực hành theo nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Sau quá trình thực hành theo nội dung đã thống nhất, học viên hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

c) Thái độ

Nâng cao chất lượng kỹ thuật y hành nghề xét nghiệm y học hoặc xét nghiệm chuyên khoa đảm bảo đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và hội nhập quốc tế.



II. PHẠM VI, HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. **Phạm vi triển khai:** Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.

2. **Hình thức đào tạo:** Tập trung.

3. **Thời gian:**

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh xét nghiệm là 05 tháng, trong đó:

+ Thời gian thực hành chuyên môn Huyết học truyền máu là 01 tháng;

+ Thời gian thực hành chuyên môn Hóa sinh là 01 tháng;

+ Thời gian thực hành chuyên môn Vi sinh - ký sinh trùng là 02 tháng (chuyên môn Vi sinh là 01 tháng và chuyên môn Ký sinh trùng là 01 tháng).

+ Thời gian thực hành chuyên môn Giải phẫu bệnh và Tế bào học là 01 tháng;

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

4. **Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên**

Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 96/2023/NĐ-CP và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn như sau:

a) Người có một trong các văn bằng sau đây được tiếp nhận thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học:

Văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nay là Bộ Nội vụ công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học;

Văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nay là Bộ Nội vụ công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học;

Văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học.

b) Người có một trong các văn bằng sau đây được tiếp nhận thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học chuyên khoa:

Văn bằng chuyên khoa trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh được cấp bởi cơ sở đào tạo hợp pháp theo quy định của pháp luật;

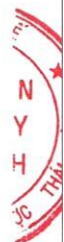
Thời gian đào tạo tối thiểu 18 tháng.

III. NỘI DUNG THỰC HÀNH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
I	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề xét nghiệm	
A	Thực hành chuyên môn Huyết học truyền máu	
1	Xét nghiệm đông máu	
1.1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	
1.2	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	
1.3	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	
1.4	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	
1.5	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	
1.6	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	
2	Tế bào học	
2.1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	
2.2	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	
2.3	Tim mảnh vỡ hồng cầu	
2.4	Tập trung bạch cầu	
2.5	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	
2.6	Máu lắng (bằng máy tự động)	
2.7	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	
2.8	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	
3	Huyết thanh học nhóm máu	
3.1	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	
3.2	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)	
3.3	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	
3.4	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	
3.5	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	
3.6	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)	
B	Thực hành chuyên môn Hóa sinh	

Khoa
Huyết học

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
1	Máu	Khoa Hóa Sinh
1.1	Định lượng Acid Uric	
1.2	Định lượng Albumin	
1.3	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	
1.4	Đo hoạt độ Amylase	
1.5	Định lượng Amoniac (NH ₃)	
1.6	Định lượng Bilirubin trực tiếp	
1.7	Định lượng Bilirubin gián tiếp	
1.8	Định lượng Bilirubin toàn phần	
1.9	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	
1.10	Định lượng Cholesterol toàn phần	
1.11	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	
1.12	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	
1.13	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	
1.14	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	
1.15	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)	
1.16	Định lượng Glucose	
1.17	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	
1.18	Định lượng HbA _{1c}	
1.19	Định lượng T ₃	
1.20	Định lượng FT ₄	
1.21	Định lượng TSH	
1.22	Đo hoạt độ Lipase	
1.23	Đo hoạt độ P-Amylase	
1.24	Định lượng Protein toàn phần	
1.25	Định lượng Triglycerid	
1.26	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	
1.27	Định lượng Ure	
1.28	Định lượng Creatinin	
1.29	Định lượng HDL -Cholesterol	
1.30	Định lượng LDL - Cholesterol	
1.31	Đo hoạt độ GOT (AST)	
1.32	Đo hoạt độ GPT (ALT)	
2	Nước tiểu	
2.1	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	



TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
2.2	Đo hoạt độ Amylase	Khoa Hóa Sinh
2.3	Định lượng Axit Uric	
2.4	Định lượng Glucose	
2.5	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	
2.6	Định lượng Protein	
2.7	Định lượng Ure	
2.8	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	
3	Dịch não tủy	
3.1	Định lượng Glucose	
3.2	Phản ứng Pandy	
3.3	Định lượng Protein	
4	Dịch chọc (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)	
4.1	Đo hoạt độ Amylase	
4.2	Định lượng Bilirubin toàn phần	
4.3	Định lượng Cholesterol toàn phần	
4.4	Định lượng Creatinin	
4.5	Định lượng Glucose	
4.6	Phản ứng Rivalta	
4.7	Định lượng Triglycerid	
4.8	Định lượng Ure	
5	Các Kỹ thuật khác (TTLT 37)	
5.1	Đường máu mao mạch	
C	Thực hành chuyên môn Vi sinh – ký sinh trùng	
1	Vi sinh	
1.1	Vi khuẩn	
1.1.1	Vi khuẩn chung	
1.1.1.1	Vi khuẩn nhuộm soi	
1.1.1.2	Vi khuẩn test nhanh	
1.1.1.3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	
1.1.1.4	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	
1.1.1.5	Vi hệ đường ruột	
1.1.2	Mycobacteria	
1.1.2.1	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	
1.1.3	Neisseria gonorrhoeae	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
1.1.3.1	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	Khoa Vi – Ký sinh
1.1.4	<i>Neisseria meningitidis</i>	
1.1.4.1	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	
1.1.5	Các vi khuẩn khác	
1.1.5.1	<i>Chlamydia</i> test nhanh	
1.1.5.2	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	
1.2	Virus	
1.2.1	Virus chung	
1.2.1.1	Virus test nhanh	
1.2.2	Hepatitis virus	
1.2.2.1	HBsAg test nhanh	
1.2.2.2	HCV Ab test nhanh	
1.2.3	HIV	
1.2.3.1	HIV Ab test nhanh	
1.2.4	Dengue virus	
1.2.4.1	Dengue virus NS1Ag test nhanh	
1.2.5	Các virus khác	
1.2.5.1	Influenza virus A, B test nhanh	
1.2.5.2	RSV test nhanh	
1.2.5.3	SARS-CoV-2 Ag test nhanh	
2	Ký sinh trùng	
2.1	Ký sinh trùng trong phân	
2.1.1	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	
2.1.2	Đơn bào đường ruột soi tươi	
2.1.3	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	
2.1.4	Trứng giun, sán soi tươi	
2.1.5	Trứng giun soi tập trung	
2.1.6	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	
2.2	Ký sinh trùng trong máu	
2.2.1	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	
2.2.2	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	
2.2.3	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	
2.3	Ký sinh trùng ngoài da	
2.3.1	<i>Demodex</i> soi tươi	
2.3.2	<i>Demodex</i> nhuộm soi	



TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
2.3.3	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi	Khoa Vi – Ký sinh
2.3.4	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi	
2.3.5	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	
2.3.6	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi	
2.4	Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác	
2.4.1	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	
2.4.2	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh	
2.4.3	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	
2.4.4	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi	
2.5	Vi nấm	
2.5.1	Vi nấm soi tươi	Khoa Tế bào – Giải phẫu bệnh
2.5.2	Vi nấm nhuộm soi	
2.5.3	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	
D	Thực hành chuyên môn Giải phẫu bệnh và Tế bào học	
1	Tế bào học	
1.1	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	
1.2	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	
1.3	Chọc hút kim nhỏ các hạch	
1.4	Chọc hút kim nhỏ mào tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm	
1.5	Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hốc mắt	
1.6	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	
1.7	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	
1.8	Tế bào học dịch màng khớp	
1.9	Tế bào học dịch chai phế quản	
1.10	Tế bào học dịch rửa phế quản	
1.11	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	
1.12	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	
1.13	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	
1.14	Chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp tế bào học chất lỏng (Liquid base Cytology)	
2	Giải phẫu bệnh	
2.1	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm súc vật thực nghiệm	
2.2	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
2.3	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học	Khoa Tế bào – Giải phẫu bệnh
2.4	Phẫu tích và xét nghiệm mô bệnh học thường quy cho 01 vị trí lấy mẫu	
2.5	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	
2.6	Nhuộm hai màu Hematoxyline - Eosin	
2.7	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	
2.8	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP	
2.9	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho mỗi một dấu ấn	
2.10	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou	
2.11	Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm Giemsa	
2.12	Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng kỹ thuật cắt lạnh	
2.13	Phẫu tích và chẩn đoán mô bệnh học bệnh phẩm cắt hút niêm mạc đường tiêu hóa	
2.14	Phẫu tích và chẩn đoán mô bệnh học bệnh phẩm diện cắt chu vi trực tràng	
2.15	Phẫu tích và chẩn đoán mô bệnh học bệnh phẩm đánh giá diện cắt tổng thể cho các khối u đặc	
2.16	Phẫu tích và chẩn đoán mô bệnh học bệnh phẩm đánh giá đáp ứng sau điều trị tân bổ trợ	Đơn vị Cấp cứu
2.17	Xét nghiệm khối tế bào (Cell block)	
II	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu	
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
2	Cấp cứu ngừng tim	
3	Cấp cứu ngừng thở	
4	Băng bó vết thương	
5	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	
6	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	

Trong quá trình thực hành: đơn vị và người hướng dẫn hành nghề phải lồng ghép hướng dẫn nội dung về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Học viên không vi phạm các quy định của pháp luật.

Học viên phải tham dự 100% thời lượng học thực hành (vắng mặt học thực hành thì phải đi học bù).

Học viên phải được người hướng dẫn thực hành đánh giá đạt các chỉ tiêu thực hành. Sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với từng nội dung như: kiểm tra kiến thức, đánh giá kỹ năng thực hành, đánh giá thái độ, phỏng vấn... . Thực hiện đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết.

Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, Bệnh viện có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP./*yk*

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hưng Yên (để báo cáo);
- Ban Giám đốc, Phụ trách CM (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTH, TCHC.

GIÁM ĐỐC *yk*



PGS. TS. BS Nguyễn Xuân Bái



Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2025

NỘI DUNG

Thực hành đối với chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng
và chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng chuyên khoa

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sau khóa học, học viên đạt được cơ bản những kiến thức về lý thuyết và kỹ năng thực hành lâm sàng cơ bản của chuyên ngành phục hồi chức năng hoặc phục hồi chức năng chuyên khoa.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

Xây dựng nội dung thực hành thống nhất, chuẩn hóa thời lượng, nội dung, yêu cầu thực hành tại các cơ sở đủ điều kiện, tích lũy kinh nghiệm và thành thạo các kỹ năng phục hồi chức năng.

b) Kỹ năng

Kỹ năng thực hành theo nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Sau quá trình thực hành theo nội dung đã thống nhất, học viên hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

c) Thái độ

Nhận thức được tầm quan trọng của phục hồi chức năng trong y học cũng như trong thực hành nghề nghiệp.



Rèn luyện được tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp, đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

II. PHẠM VI, HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình.

2. Hình thức đào tạo: Tập trung.

3. Thời gian:

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng là 05 tháng;

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

4. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên

Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn như sau:

a) Người có một trong các văn bằng sau đây được tiếp nhận thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng:

Một trong các văn bằng sau đây: văn bằng trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nay là Bộ Nội vụ công nhận tương đương văn bằng trung cấp của một trong các ngành sau đây: kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

Một trong các văn bằng sau đây: văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước



ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nay là Bộ Nội vụ công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

Một trong các văn bằng sau đây: văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

b) Người có một trong các văn bằng sau đây được tiếp nhận thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng chuyên khoa:

Văn bằng chuyên khoa trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh được cấp bởi cơ sở đào tạo hợp pháp theo quy định của pháp luật;

Thời gian đào tạo tối thiểu 18 tháng.

III. NỘI DUNG THỰC HÀNH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
I	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng
A	VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)	
1	Điều trị bằng sóng ngắn	
2	Điều trị bằng sóng cực ngắn	
3	Điều trị bằng vi sóng	
4	Điều trị bằng từ trường	
5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	
6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	
7	Điều trị bằng các dòng điện xung	
8	Điều trị bằng siêu âm	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
9	Điều trị bằng sóng xung kích	Khoa Phục hồi chức năng
10	Điều trị bằng dòng giao thoa	
11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	
12	Điều trị bằng Laser công suất thấp chiếu ngoài	
13	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	
14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	
15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	
16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	
17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	
18	Điều trị bằng Parafin	
19	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	
20	Điều trị bằng điện trường cao áp	
21	Điều trị bằng ion khí	
22	Điều trị bằng tĩnh điện trường	
23	Điều trị bằng điện vi dòng	
24	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	
25	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	
26	Điều trị chườm ngải cứu	
V	VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)	
27	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	
28	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	
29	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	
30	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	
31	Tập lăn trở khi nằm	
32	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	
33	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	
34	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	
35	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	
36	Tập dáng đi	
37	Tập đi với thanh song song	
38	Tập đi với khung tập đi	
39	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	
40	Tập đi với gậy	
41	Tập đi với bàn xương cá	
42	Tập lên, xuống cầu thang	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
43	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Khoa Phục hồi chức năng
44	Tập đi với chân giả trên gôi	
45	Tập đi với chân giả dưới gôi	
46	Tập đi với khung treo	
47	Tập vận động thụ động	
48	Tập vận động có trợ giúp	
49	Tập vận động chủ động	
50	Tập vận động tự do tứ chi	
51	Tập vận động có kháng trở	
52	Tập kéo dẫn	
53	Tập vận động trên bóng	
54	Tập trong bồn bóng nhỏ	
55	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	
56	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	
57	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	
58	Tập với thang tường	
59	Tập với giàn treo các chi	
60	Tập với ròng rọc	
61	Tập với dụng cụ quay khớp vai	
62	Tập với dụng cụ chèo thuyền	
63	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	
64	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	
65	Tập với xe đạp tập	
66	Tập các kiểu thở	
67	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	
68	Tập ho có trợ giúp	
69	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	
70	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	
71	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	
72	Kỹ thuật di động khớp	
73	Kỹ thuật di động mô mềm	
74	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	
75	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	
76	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	
77	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	



TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
78	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Khoa Phục hồi chức năng
79	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	
80	Kỹ thuật Frenkel	
81	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	
82	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	
83	Tập điều hợp vận động	
84	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	
85	Tập vận động cột sống	
86	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	
87	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu	
88	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	
89	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)	
90	Tập dưỡng sinh	
91	Kỹ thuật kéo dẫn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	
92	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	
93	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, uốn)	
94	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ	
95	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson	
96	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	
97	Kỹ thuật ngồi/đứng dậy từ sàn nhà	
98	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn theo dõi tim mạch	
99	Kỹ thuật thư giãn	
C	HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)	
100	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	
101	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	
102	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	
103	Tập các vận động thô của bàn tay	
104	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	
105	Tập phối hợp hai tay	
106	Tập phối hợp tay mắt	
107	Tập phối hợp tay miệng	
108	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	
109	Tập điều hòa cảm giác	



TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
110	Tập tri giác và nhận thức	Khoa Phục hồi chức năng
111	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	
112	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)	
113	Kỹ thuật gương trị liệu (Mirror therapy)	
D	NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)	
114	Tập nuốt	
115	Tập nói	
116	Tập nhai	
117	Tập phát âm	
118	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	
119	Tập cho người thất ngôn	
120	Tập luyện giọng	
121	Tập sửa lỗi phát âm	
122	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)	
123	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ	
124	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ	
125	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói	
126	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt	
Đ	KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)	
127	Lượng giá chức năng người khuyết tật	
128	Lượng giá chức năng tim mạch	
129	Lượng giá chức năng hô hấp	
130	Lượng giá chức năng tâm lý	
131	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	
132	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	
133	Lượng giá chức năng dáng đi	
134	Lượng giá chức năng thăng bằng	
135	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	
136	Lượng giá lao động hướng nghiệp	
137	Thử cơ bằng tay	
138	Đo tầm vận động khớp	
139	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	
140	Lượng giá sự phát triển của trẻ bằng Test Denver	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
141	Kỹ thuật thông tiêu (thông đại) ruột quăng trong phục hồi chức năng tùy sống	Khoa Phục hồi chức năng
142	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	
143	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi trên	
144	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi dưới	
145	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	
146	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em	
147	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em	
148	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	
149	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS	
150	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT	
151	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM	
152	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS	
153	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)	
154	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE cho người cao tuổi	
155	Nghiệm pháp đi 6 phút	
156	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili cho người cao tuổi	
157	Nghiệm pháp Tinitit cho người cao tuổi	
158	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	
159	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói cho người cao tuổi	
160	Kỹ thuật tư vấn tâm lý cho người bệnh hoặc người nhà	
161	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II	
162	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III	
163	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ IV	
E	DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)	
164	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	
165	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	
166	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	
167	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	
168	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	
169	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	
170	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	
171	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	ĐỊA ĐIỂM
172	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	
173	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	
174	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	
175	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	
176	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	
177	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	
178	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	
179	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	
180	Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp	
181	Tập do cứng khớp	
182	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	
183	Xoa bóp áp lực hơi	
II	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu	Đơn vị Cấp cứu
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
2	Xử trí hạ huyết áp tư thế	
3	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	
4	Cấp cứu tụt huyết áp	
5	Cấp cứu ngừng tim	
6	Cấp cứu ngừng thở	
7	Rửa dạ dày cấp cứu	
8	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ	
9	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	
10	Cầm máu (vết thương chảy máu)	
11	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	
12	Băng bó vết thương	
13	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	
14	Vận chuyển người bệnh an toàn	
15	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	

Trong quá trình thực hành: đơn vị và người hướng dẫn hành nghề phải lồng ghép hướng dẫn nội dung về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Học viên không vi phạm các quy định của pháp luật.

Học viên phải tham dự 100% thời lượng học thực hành (vắng mặt học thực hành thì phải đi học bù).

Học viên phải được người hướng dẫn thực hành đánh giá đạt các chỉ tiêu thực hành. Sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với từng nội dung như: kiểm tra kiến thức, đánh giá kỹ năng thực hành, đánh giá thái độ, phỏng vấn... . Thực hiện đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết.

Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, Bệnh viện có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP./. *g*

GIÁM ĐỐC *g*

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hưng Yên (để báo cáo);
- Ban Giám đốc, Phụ trách CM (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTH, TCHC. *g*



PGS. TS. BS Nguyễn Xuân Bái